

Số: /KH-SYT Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số Ngành Y tế năm 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

1. Các văn bản chỉ đạo của Trung ương

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị;
- Quyết định số 292/QĐ-BKHHCN ngày 25/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0;
- Các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về việc sắp xếp, thành lập các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã;
- Các Chiến lược, Chương trình quốc gia về Chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, dữ liệu quốc gia và Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử (Đề án 06).

2. Các Nghị quyết, Kế hoạch của Tỉnh

- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Trên cơ sở tổng hợp, kế thừa các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của 03 tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam (cũ), cụ thể: Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình; Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Nam Định; Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Hà Nam;
- Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 31/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2025.

3. Căn cứ thực tiễn

Yêu cầu cấp bách về việc hợp nhất, đồng bộ hệ thống chính quyền số, đảm bảo vận hành thông suốt, liên tục, hiệu quả ngay sau khi tỉnh Ninh Bình mới chính thức đi vào hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025.

Hạ tầng CNTT tại các đơn vị như hệ thống mạng LAN, hệ thống máy chủ, thiết bị an toàn thông tin, máy tính, máy in... chưa được đầu tư hoặc đã đưa vào sử dụng trong thời gian dài, hiện nay đã xuống cấp không đáp ứng yêu cầu khi triển khai hệ thống hồ sơ bệnh án điện tử và các hệ thống liên quan khác.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức triển khai chuyển đổi số nhanh chóng, toàn diện, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch khác của Sở, lấy việc bảo đảm tính liên thông, đồng bộ làm mục tiêu xuyên suốt và cao nhất, đáp ứng yêu cầu cấp bách của việc cải cách tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Hoàn thành cơ bản việc hợp nhất các hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung. Khắc phục những tồn tại, yếu kém cố hữu, nâng cao thực chất chất lượng dịch vụ công trực tuyến, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Cải thiện mạnh mẽ Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của sở.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; thể chế, chính sách số

- 100% nhiệm vụ của Tỉnh Ủy, UBND tỉnh giao được cụ thể hóa thực hiện bằng các văn bản, kế hoạch và theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên.
- 100% các cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025; Kế hoạch hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia trong phạm vi quản lý và tổ chức triển khai các hoạt động thiết thực, hiệu quả, đảm bảo các chỉ tiêu đặt ra.
- Triển khai thuê Hệ thống quản lý dữ liệu ngành y tế tỉnh Ninh Bình; đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại một số cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.
- 100% các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sở sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VneID.

2.2. Hạ tầng số

- Từng bước nâng cấp hạ tầng, cơ sở vật chất về CNTT nhằm đáp ứng được điều kiện để triển khai các hệ thống ứng dụng trong ngành (bệnh án điện tử, LIS, HIS, PACS, khám chữa bệnh từ xa,...);
- Tối thiểu 90% (Hiện tại khoảng 80% hệ thống mạng LAN tại các đơn vị đã đáp ứng được chuyển đổi sang dải mạng Ipv6) các đơn vị trực thuộc Sở có mạng nội

bộ (LAN) đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo an toàn thông tin và sẵn sàng đáp ứng cho chuyển đổi sang dải Ipv6;

2.3 Dữ liệu số

- Thực hiện xây dựng, kết nối, chia sẻ các dữ liệu dùng chung, dữ liệu ngành y tế phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và công khai minh bạch thông tin của các đơn vị khám chữa bệnh cho người dân, doanh nghiệp;

- 100% thông tin, thành phần hồ sơ của tổ chức, cá nhân thực hiện giải quyết TTHC tại các đơn vị được số hóa và lưu trữ vào Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân để tái sử dụng.

2.4 Nhân lực số

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

- 100% thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của Sở; cán bộ phụ trách chuyên đổi số tại các cơ quan, đơn vị được tập huấn, diễn tập tình huống, diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng.

2.5 Đảm bảo an toàn thông tin mạng

- 100% máy tính cá nhân, thiết bị đầu cuối CNTT; mạng nội bộ (LAN) của các đơn vị được triển khai các giải pháp bảo vệ; kết nối, giám sát đảm bảo an toàn thông tin mạng;

- 100% các hệ thống thông tin được xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án đảm bảo ATTT theo hồ sơ cấp độ;

- Tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp quy định tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

2.6 Chính quyền số

- 95% hồ sơ công việc được quản lý, xử lý và luân chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (*Trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*); 100% văn bản (*trừ văn bản mật*) được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số theo quy định;

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Sở được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- 100% dịch vụ công trực tuyến có đủ điều kiện theo quy định được công bố áp dụng dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% dịch vụ công trực tuyến có đủ điều kiện được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- Tỷ lệ TTHC được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữ Trung ương và địa phương, giữ các cấp chính quyền đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 95%.

- Duy trì, tăng cường hoạt động của phần mềm y tế cơ sở tại tuyến xã, TTYT tuyến huyện, tuyến tỉnh; Phối hợp với các bên có liên quan tiến hành kết nối liên thông giữa phần mềm y tế cơ sở và một số phần mềm chuyên ngành khác, như: tiêm chủng quốc gia, báo cáo thống kê,...

- Duy trì, đẩy mạnh việc trích, chuyển dữ liệu KCB BHYT đến cổng tiếp nhận dữ liệu của Bộ Y tế và cổng tiếp nhận dữ liệu của cơ quan BHXH theo đúng quy định;

- Thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc việc ứng dụng CNTT trong hoạt động tại đơn vị;

- Triển khai có hiệu quả một số những phần mềm chuyên ngành khác như: quản lý đường dây nóng, quản lý bệnh không lây nhiễm, quản lý nhân sự, báo cáo thống kê y tế,...

2.7. Xã hội số

- 100% các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID.

2.8. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông

- 100% các trang/cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị trực thuộc có chuyên trang, chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyên đổi số, Đề án 06/CP.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch được huy động từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu của đơn vị, nguồn quỹ đầu tư phát triển sự nghiệp của đơn vị và từ những nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Bảo hiểm Y tế Sở Y tế

- Chủ trì, tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện nội dung liên quan đến chuyển đổi số, ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử trong ngành;

- Tham mưu cho lãnh đạo Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 31/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2025.

2. Phòng Tài chính

Chủ trì, phối hợp với phòng Bảo hiểm y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ vào tình hình thực tế trình Sở Tài chính, UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan bố trí nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh và vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định khác có liên quan.

3. Văn phòng Sở Y tế

Triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT tại cơ quan Sở; tiếp tục cung cấp, triển khai dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Y tế trên cổng dịch vụ công của tỉnh, Website Sở Y tế theo đúng quy định; duy trì hoạt động của Website Sở Y tế, quản lý chặt chẽ các nội dung đưa lên Website theo đúng quy định;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC.

4. Phòng Quản lý khám chữa bệnh Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các phòng thuộc Sở, cơ quan, đơn vị liên quan xác định loại thông tin dữ liệu về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng đưa vào danh mục Cơ sở dữ liệu y tế của tỉnh (IOC).

- Chỉ đạo, đôn đốc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tạo lập, thu thập, chuẩn hóa dữ liệu, kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu của đơn vị với cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, cơ sở dữ liệu của địa phương và Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

- Chủ động việc khai thác, sử dụng dữ liệu từ các nền tảng số y tế phục vụ công tác tham mưu, quản lý nhà nước theo lĩnh vực được phân công.

5. Phòng Quản lý dược Sở Y tế

Chủ trì quản trị cơ sở cung ứng thuốc (POS) tài khoản liên thông theo nhà cung cấp trên Hệ thống phần mềm Đơn thuốc quốc gia.

6. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

- Căn cứ Kế hoạch này, các đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể chi tiết về việc ứng dụng CNTT năm 2025 trong hoạt động của đơn vị mình; trong kế hoạch nêu rõ những hoạt động ứng dụng CNTT, nhiệm vụ, dự án, giải pháp thực hiện và dự toán nguồn kinh phí thực hiện;

- Tiến hành kiểm tra, rà soát cơ sở hạ tầng CNTT, đảm bảo có đầy đủ hạ tầng CNTT phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động chuyên môn và đáp ứng yêu cầu khi triển khai hệ thống phần mềm Bệnh án điện tử tại đơn vị; có cán bộ chuyên trách về CNTT;

- Rà soát, xây dựng các quy định, quy chế về ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, hoạt động chuyên môn của đơn vị;

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị cung cấp dịch vụ CNTT và những cơ quan khác đảm bảo hiệu quả của việc trích chuyển dữ liệu sang cổng tiếp nhận dữ liệu của Bộ Y tế và cơ quan BHXH;

- Triển khai thực hiện Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID tại đơn vị đảm bảo đúng tiến độ.

- Các Trung tâm y tế khu vực chịu trách nhiệm đôn đốc các Trạm y tế trên địa bàn đẩy mạnh hoạt động của phần mềm y tế cơ sở, quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân, phần mềm báo cáo thông kê điện tử và các phần mềm chuyên ngành khác...;

- Báo cáo kết quả triển khai hoạt động ứng dụng CNTT tại đơn vị về Sở Y tế đúng theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Đề BC);
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh;
- Lãnh đạo SYT;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các phòng chức năng Sở Y tế;
- Trang thông tin điện tử sở;
- Lưu VT, BHYT.

(MP/)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Anh Phong